ĐẠI HỌC QUỐC GIA – TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2018- 2019

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2019

I. TỔNG QUAN

1. Mục đích khảo sát

- Tạo kênh thông tin từ phía người học giúp giảng viên (GV) giảng dạy các môn học chương trình chất lượng cao (CLC) tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình nhằm không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của Nhà trường;
- Góp phần xây dựng đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, phương pháp và phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại;
- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học về quyền lợi, nghĩa vụ học tập và rèn luyện của bản thân; tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của GV;
- Giúp cán bộ quản lý cấp Trường, Khoa/Bộ môn có cơ sở nhận xét, đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, bố trí công tác, khen thưởng kỷ luật đối với GV.

2. Quá trình khảo sát

2.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Sinh viên (SV) thuộc chương trình CLC học các môn lý thuyết (LT), thực hành hình thức (HT1) và hình thức 2 (HT2) tại Trường ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM.

2.2. Hình thức

Khảo sát trực tuyến, hệ thống khảo sát gửi link khảo sát https://survey.uit.edu.vn đến email của SV theo danh sách môn học đã đăng ký, SV hoàn thành phiếu khảo sát theo hướng dẫn.

2.3. Thời gian thực hiện

- Thời gian khảo sát: 15/06/2019 - 27/07/2019
- Xử lý số liệu và tách dữ liệu: 30/07/2019 - 12/08/2019
- Viết báo cáo: 13/08/2019 – 30/08/2019

2.4. Công cụ khảo sát

Phòng TT-PC-ĐBCL thực hiện lấy ý kiến SV thông qua phiếu khảo sát đã được phê duyệt. Phiếu khảo sát môn học gồm: 17 câu hỏi/tiêu chí (môn LT), 18 câu hỏi/tiêu chí (môn thực hành HT1),8 câu hỏi/tiêu chí (môn thực hành HT2).

Phiếu khảo sát gồm các nội dung về: Hình thức tổ chức môn học; hoạt động giảng dạy của GV; hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; mức độ hài lòng với môn học.

Các câu hỏi trong phiếu khảo sátđược xây dựng trên thang đo Likert với 4 mức độ:

- *Mức 1:* Chưa Tốt/Hài lòng 1 điểm

- *Mức 2:* Bình thường 2 điểm
- *Mức 3:* Tốt/Hài lòng 3 điểm
- *Mức 4:* Rất Tốt/Hài lòng 4 điểm

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Số lượng SV thực hiện khảo sát

Thực hiện theo quy định về số lượng môn học mà sinh viên (SV) cần khảo sát (bao gồm *môn học LT, thực hành HT1, thực hành HT2*) như sau:

- SV đăng ký <= 4 môn học, thực hiện khảo sát tất cả môn học đăng ký;
- SV đăng ký >4 môn học, thực hiện khảo sát ít nhất 50% số môn học đăng ký.

Kết quả thu được từ môn học lý thuyết có 6249/4889 **(chiếm 78.2%)** lượt SV tham gia khảo sát. Tuy có tỉ lệ SV tham gia khảo sát không cao như các học kỳ trước đó nhưng trong học kỳ này có trên 96% SV thực hiện khảo sát 100% môn học đã đăng ký và chỉ có khoảng 1,4% thực hiện khảo sát dưới 50% số môn học đăng ký. Kết quả này cho thấy có sự cải tiến rất lớn so với HK1/NH2018-2019, SV có ý thức tham gia khảo sát gần như đầy đủ các môn học đã đăng ký.

Mặc dù tỷ lệ tham gia khảo sát của SV đăng ký >=4 môn học không thấp, tuy nhiên vẫn còn 3.8% SV chưa thực hiện đầy đủ các khảo sát với các môn học đã đăng ký. Phòng TT-PC-ĐBCL kiến nghị VPĐB tiếp tục phối hợp với các GV phụ trách môn học nhắc nhở hoặc sử dụng các kênh truyền thông để thông báo rộng rãi cho SV CLC tham gia khảo sát môn học tích cực hơn nữa.

Tỉ lệ môn học đã thực hiện	**SV đăng ký <= 4 môn học (N= 999)**		**SV đăng ký > 4 môn học (N=2699)**	
	Số lượng	*Tỉ lệ (%)*	*Số lượng*	*Tỉ lệ (%)*
100%	992	**99.3**	2596	**96.2**
50% - dưới 100%	6	**0.6**	68	**2.5**
Dưới 50%	1	**0.1**	35	**1.3**

Bảng 1. Số lượng SV CLC thực hiện khảo sát môn học HKI 2018-2019

2. Số lượng phiếu khảo sát và thông tin khảo sát chung

Thống kê từ P.ĐTĐH, các lớp được mở thuộc hệ đào tạo chất lượng cao trong HKII/NH 2018 -2019 có: **178 lớp** môn học lý thuyết, **178 lớp** thực hành HT1 và **19 lớp** thực hành HT2. Khảo sát được tiến hành trên 100% các lớp học ở cả ba hình thức môn hoc, kết quả của các lớp học, số lượng phiếu khảo sát cụ thể ở mỗi đơn vị quản lý được thể hiện ở bảng sau:

Đơn vị quản lý	Môn học lý thuyết			Môn học thực hành PT1			Môn học thực hành PT2		
	Theo TKB	*Theo KS*	*Tỉ lệ (%)*	*Theo TKB*	*Theo KS*	*Tỉ lệ (%)*	*Theo TKB*	*Theo KS*	*Tỉ lệ (%)*
BMTL	1097	768	70	-	-	-	-	-	-
CNPM	1568	1287	82.1	717	517	72.1	461	406	88.1
HTTT	761	658	86.5	605	515	85.1	-	-	-
KHMT	801	589	73.5	677	468	69.1	93	83	89.2
KTMT	1035	814	78.6	995	787	79.1	-	-	-
KTTT	-	-	-	-	-	-	-	-	-
MMT&TT	140	129	92.1	140	128	91.4	-	-	-
P.DTDH	432	292	67.6	-	-	-			
TTNN	415	352	84.8	-	-				
Tổng	6249	4889	**78.2**	3134	2415	**77.1**	554	489	**88.3**

Bảng 2. Thống kê về thực trạng số phiếu khảo sát SV CLC

Kể từ NH 2017-2018 số lượng SV học các chương trình CLC ngày càng tăng lên, quy mô ngày càng lớn. Tuy nhiên, số lượng SV làm khảo sát ở HK2/NH2018-2019 chỉ đạt ở mức khá và thấp hơn HK1/NH 2018-2019 (tất cả các loại hình môn học được khảo sát đều đạt tỷ lệ trên 85%). Phòng TT-PC-ĐBCL sẽ tiếp tục phối hợp với các VPĐB và Khoa, Bộ môn tìm hiểu nguyên nhân để có các giải pháp phù hợp nhằm tăng tỷ lệ SV CLC tham gia khảo sát cao hơn trong các năm học tiếp theo.

Thời gian lên lớp của SV đối với các môn học:

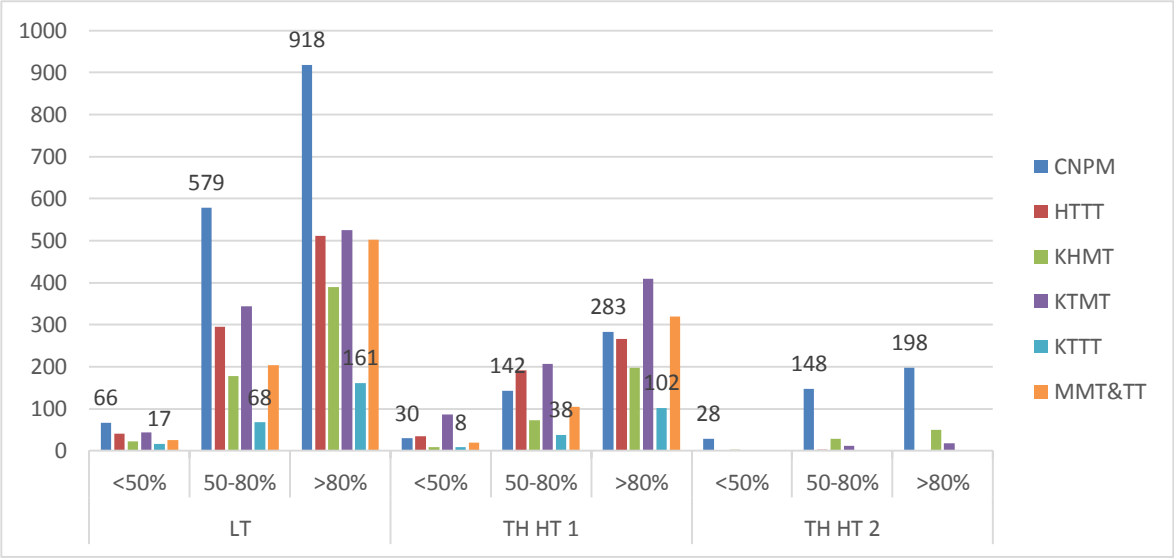

Bảng 3. Thời gian lên lớp của SV ở các loại mình môn học

Bảng 3 cho thấy, SV đa số tham dự lớp học ở lý thuyết, thực hành hình thức 1 và 2 tương đối đầy đủ từ 50% đến trên 80% số buổi học, tỉ lệ trung bình đạt 94%. Trong đó, tỷ lệ SV tham gia lớp học từ 50% đến trên 80% ở môn học lý thuyết đạt 95.6%, thực hành HT1 đạt 92.6% và HT2 đạt 93.7. SV CLC trong HK2/NH 2018-2019 đã có sự cải thiện về tình hình tham dự lớp học, tỉ lệ rất cao ở cả 03 loại hình môn học. Kết quả này là nhờ VPĐB đã phối hợp với phòng DL CNTT triển khai app tiện ích trong đó có chức năng điểm danh tự động khi SV đăng nhập bằng tài khoản chứng thực. Đồng thời, kết quả cũng đáp ứng quy định của học chế tín chỉ về việc đảm bảo thời gian SV tham dự đủ 2/3 thời gian của lớp học và không được vắng quá 02 buổi học mà không có lí do đặc biệt được chấp thuận từ đơn vị quản lý hoặc GV phụ trách lớp học. Quy định này đã được phổ biến thông qua nhiều kênh thông tin của Nhà trường, như: tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, buổi đầu tiên của môn học, cố vấn học tập,…Chính vì vậy, tỷ lệ SV tham dự lớp học <50% ở các môn học lý thuyết của mỗi Khoa chiếm tỷ lệ rất thấp.

3. Kết quả khảo sát chung toàn Trường

3.1. Môn học lý thuyết

Có 175/178 lớp học có số lượng từ 50% SV trở lên tham gia khảo sát, đảm bảo đủ tin cậy để phân tích, đánh giá.

Bảng câu hỏi dành cho môn học lý thuyết gồm có 17 câu hỏi (tiêu chí) nhận xét về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng mô tả tỷ lệ SV trả lời theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

TC	Nội dung	Không ý kiến	Chưa tốt/ hài lòng	Bình thường	Tốt/ Hài lòng	Rất tốt/ hài lòng
1	Chuẩn đầu ra, yêu cầu và nội dung môn học được giảng viên giới thiệu trong buổi học đầu tiên và thường xuyên nhắc lại trong các buổi học tiếp theo	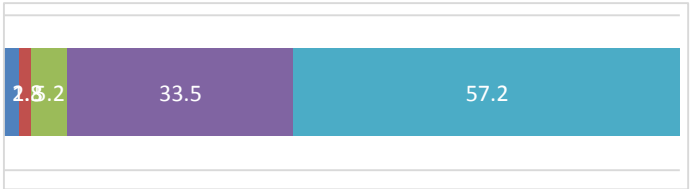				
2	Phòng học/thí nghiệm và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập	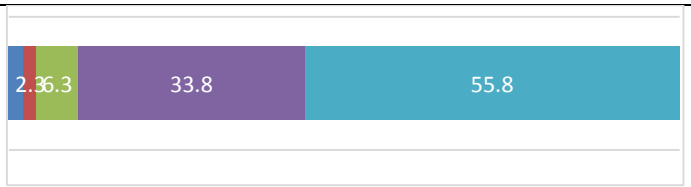				

3	Giáo trình, bài giảng và tài liệu phục vụ môn học được cung cấp đầy đủ và cập nhật trên hệ thống Moodle	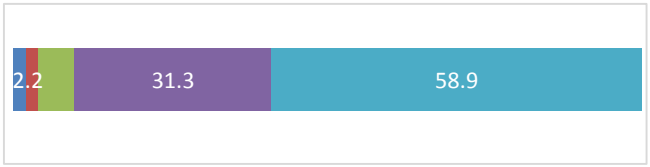
4	Giảng viên hướng dẫn Anh/Chị phương pháp học tập chủ động và tạo động cơ học tập suốt đời	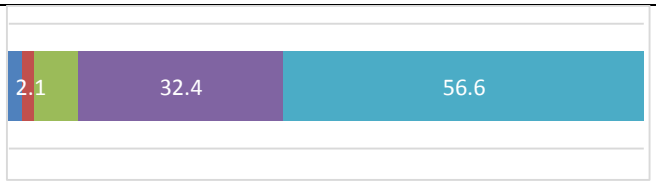
5	Giảng viên trình bày các vấn đề trong môn học mang tính cập nhật, chuẩn xác và có liên hệ thực tiễn	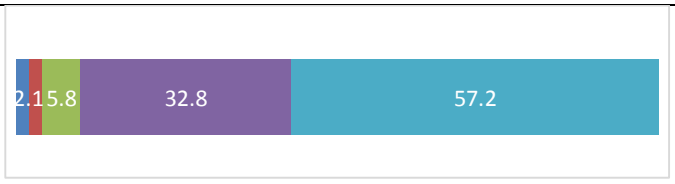
6	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp Anh/Chị hiểu được và vận dụng được kiến thức	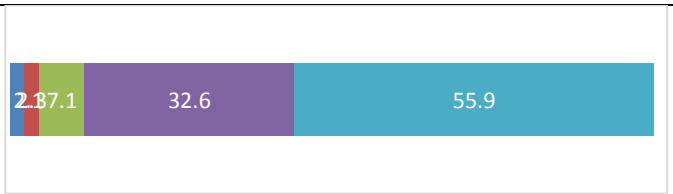
7	Giảng viên có khả năng truyền đạt tốt	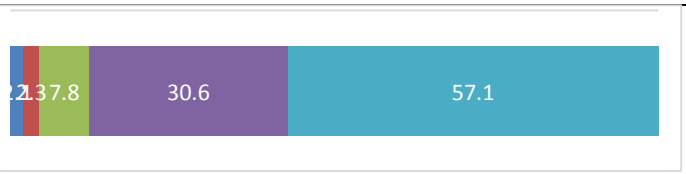
8	Giảng viên tận tâm, nhiệt tình	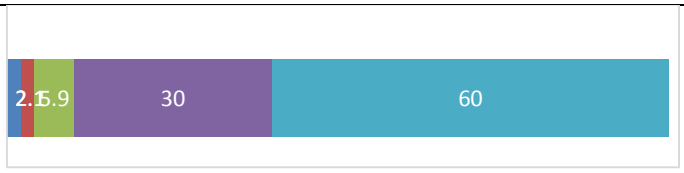
9	Giảng viên sử dụng giờ lên lớp hiệu quả	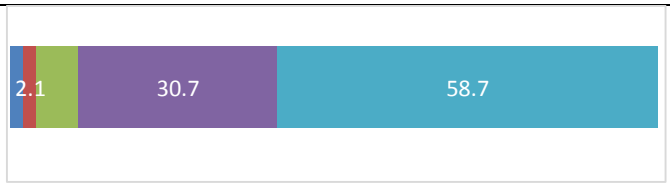
10	Giảng viên giảng dạy tuân thủ theo đề cương môn học	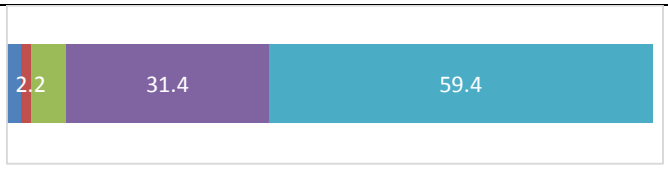
11	Giảng viên đảm bảo giờ lên lớp	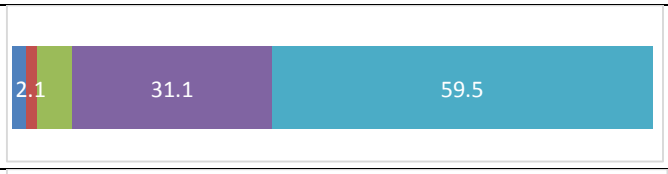
12	Giảng viên sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học hợp lý, hiệu quả	
13	Giảng viên sử dụng các công cụ/phần mềm để thảo luận và hỗ trợ Anh/Chị trong quá trình học tập	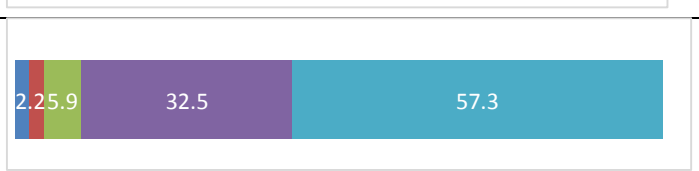

14	Giảng viên đánh giá đúng, công bằng kết quả học tập của Anh/Chị	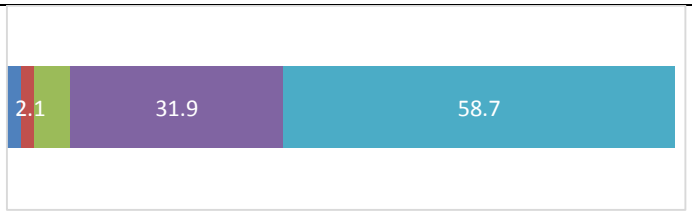
15	Nội dung kiểm tra/thi tổng hợp được kiến thức/kỹ năng của môn học	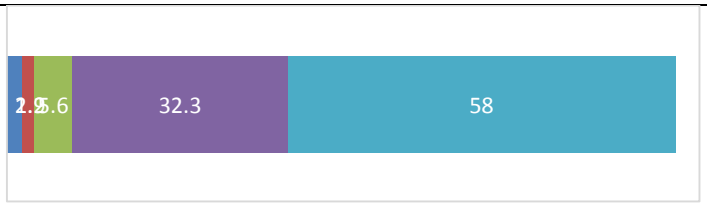
16	Kết thúc môn học, Anh/Chị được trang bị kiến thức và kỹ năng đáp ứng chuẩn đầu ra	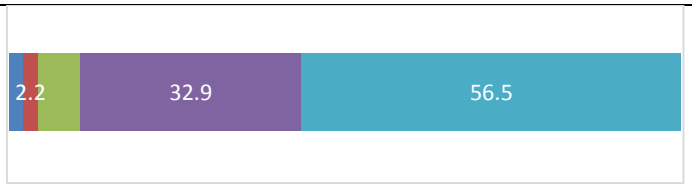
17	Mức độ hài lòng của Anh/Chị về chất lượng giảng dạy môn học	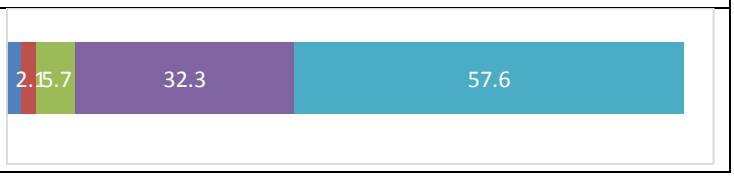

Bảng 4. Tỷ lệ SV đánh giá môn học lý thuyết theo từng tiêu chí (%)

Kết quả cho thấy khoảng 87.7-91.2% (HKI/NH2018-2019: 87.4% – 90.5%) SV đánh giá *tốt/hài lòng* và *rất tốt/rất hài lòng* (gọi chung là hài lòng) đối với 17 tiêu chí. Trong đó, tỷ lệ ở mức *rất tốt/rất hài lòng* cao hơn mức *tốt/hài lòng* trung bình 25.8% và cao hơn so với đánh giá của SV toàn trường, tỷ lệ khoảng 5%.

Các tiêu chí số 1,3,5,8,10,11, 12,14 và 15 được SV CLC đánh giá hài lòng cao nhất >=90%, các tiêu chí hài lòng cao đang được ngày càng tăng lên (HK1/NH2018-2019 có 5 tiêu chí là: 8, 10, 11, 12 và 14). Tuy nhiên 03 tiêu chí về phương pháp giảng dạy: TC04, 06, TC07 vẫn chưa được cải thiện. Nhìn chung, mức chênh lệch về tỷ lệ hài lòng giữa các tiêu chí không quá lớn, (khoảng 0.8% -1.5%). Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến khích các Khoa tiếp tục duy trì tỷ lệ hài lòng của SV CLC ở các tiêu chí và có thêm các cải tiến để đạt được sự hài lòng ở mức cao hơn nữa.

Đánh giá về việc đạt được chuẩn đầu ra (CĐR)

Chuẩn đầu ra là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo (CV số 2196/BGDĐT-GDĐH của Bộ GD&ĐT ngày 22/04/2010 về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo). Trong đó quy định cụ thể các Trường phải xây dựng và công bố CĐR cho đối tượng người học.

Nhà trường đã triển khai xây dựng CĐR với tất cả các ngành đào tạo. Thông thường, CĐR sẽ được GV cung cấp vào buổi học đầu tiên của môn học thông qua phần giới thiệu đề cương và được nhắc lại trong quá trình giảng dạy. Đây là căn cứ để SV xác định đã đạt bao nhiêu % so với CĐR khi kết thúc môn học.

Theo kết quả khảo sát, có 42.8% SV tự đánh giá đạt từ *70% đến dưới 90%* so với CĐR môn học (tăng nhẹ so với HK1/NH2018-2019 có tỉ lệ 42.6%), trên 90% đạt tỷ lệ 17.8% (*cao hơn so với SV toàn trường đạt tỷ lệ 16.8%*). Đây là kết quả cho thấy VPĐB và đặc biệt là các Khoa, Bộ môn đã có sự quan tâm rất lớn trong việc phổ biến CĐR cho SV được biết, trong các học kỳ tiếp theo Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị các Khoa, Bộ môn tiếp tục phát huy để tỷ lệ SV đánh giá đạt được CĐR từ 70% đến trên 90% cao hơn nữa và không còn trường hợp SV không biết gì về CĐR (tỉ lệ hiện tại chiếm 2,8%).

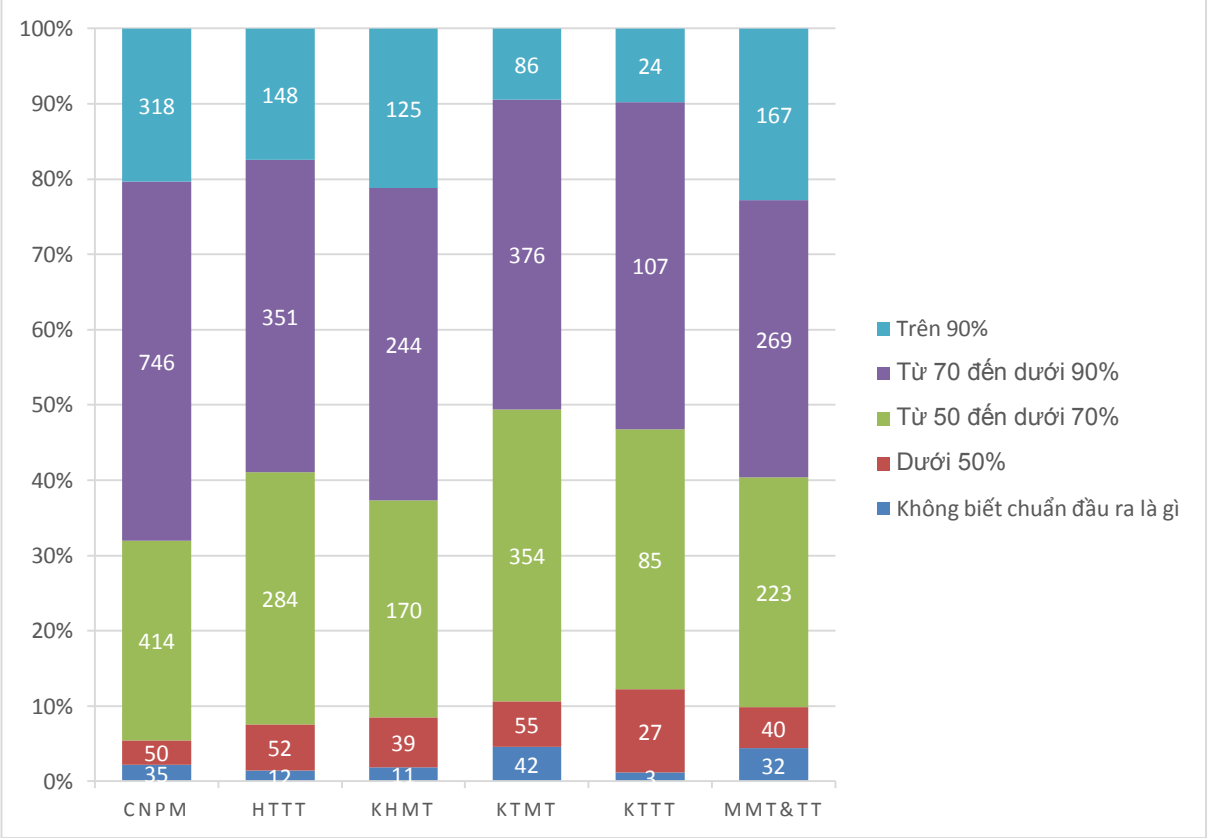

Biểu đồ 5. SV tự đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra môn học

3.2. Môn học thực hành HT1

Có 145/150 lớp học đảm bảo có số lượng từ 50% SV trở lên tham gia khảo sát (đạt tỷ lệ 96.7%), vì vậy toàn bộ kết quả khảo sát đều được sử dụng để phân tích, đánh giá.

Bảng câu hỏi dành cho môn học thực hành HT1 gồm 18 câu hỏi/tiêu chí. Kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng mô tả tỷ lệ SV trả lời theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

TC	Nội dung	Không ý kiến	Chưa tốt/ hài lòng	Bình thường	Tốt/ Hài lòng	Rất tốt/ hài lòng
1	Anh/ Chị có đủ thông tin về đề cương/ kế hoạch thực hành	2.3	2.6	5.1	29	61
2	Đề cương nêu rõ kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được sau mỗi bài thực hành	2.1	2.9	5.9	30.5	58.7
3	Trang thiết bị, phòng máy được trang bị tốt, đáp ứng yêu cầu trong quá trình thực hành/ thí nghiệm	2.4	2.6	7	28.9	59.1
4	Phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo điều kiện an toàn	2.2	2.2	5.3	28.6	61.7
5	Anh/ Chị được phân chia nhóm một cách hợp lý	2.6	2.8	5.8	29	59.9
6	Anh/ Chị được cung cấp tài liệu/ bài tập thực hành đầy đủ	2.1	2.4	5.6	29.3	60.6
7	Tài liệu/ bài tập thực hành trình bày rõ ràng, dễ hiểu, cập nhật	2.1	2.7	7.1	28.6	59.5
8	Thời khoá biểu thực hành phân bổ hợp lý, phù hợp với lý thuyết	2.1	2.7	6	29	60.2
9	Anh/ Chị được phổ biến về hình thức kiểm tra/ đánh giá kết quả học tập trước khi học	2.2	2.7	5.6	29.3	60.2
10	Giảng viên theo dõi, giám sát quá trình thực hành của Anh/ Chị	2.2	3.2	6.4	29.9	58.3
11	Giảng viên hướng dẫn nội dung, mô tả các bước thực hiện trước khi tiến hành thực hành/ thí nghiệm	2.1	3.2	6.4	28.7	59.5
12	Giảng viên có nhiều kinh nghiệm chuyên môn qua việc hướng dẫn và giải đáp thắc mắc của Anh/ Chị	2.3	3	6.4	29.2	59.1
13	Giảng viên đảm bảo và sử dụng thời gian trên lớp hiệu quả	2.4	3	6.1	28.9	59.6
14	Anh/ Chị hài lòng với cách trả lời/ giải đáp của giảng viên về bài học	2.4	3.3	6.7	28.8	58.7
15	Giảng viên đánh giá chính xác, công bằng kết quả thực hành của Anh/ Chị	2.3	2.9	5.7	29.4	59.7
16	Hình thức kiểm tra/ đánh giá phù hợp với môn thực hành	2.4	2.6	5.7	29.4	59.9

17	Anh/ Chị nhận được kiến thức, kỹ năng như mục tiêu của môn học	2.3	2.6	6.7	29.8	58.6
18	Anh/ Chị hài lòng với hoạt động giảng dạy thực hành của giảng viên	2.3	2.9	6.3	29.3	59.1

Bảng 4. Tỷ lệ SV đánh giá môn học thực hành HT1 theo từng tiêu chí (%)

Kết quả cho thấy, tỷ lệ hài lòng và rất hài lòng của SV đối với các tiêu chí ở môn học thực hành HT1 (88%- 91%) cao tương tự với tỷ lệ ở môn học lý thuyết (87.5% – 90.3%) với hầu hết các tiêu chí đều đạt tỷ lệ > 87%, không có sự thay đổi quá nhiều so với các học kỳ trước đây.

HKII/2018-2019 chỉ có 2 tiêu chí: Tiêu chí 04- *Phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo điều kiện an toàn Anh/ Chị có đủ thông tin về đề cương/ kế hoạch thực hành* được SV đánh giá ở mức cao >90.0%; Các tiêu chí còn lại được đánh giá ở mức khá cao vào hầu hết tập trung vào khoảng 88-89% cần được cải thiện thêm trong học kỳ tiếp theo.

3.3. Môn học thực hành PT2

HKII/NH2018-2019 có 100% các lớp thực hành HT2 có tỷ lệ SV tham gia khảo sát từ 50% trở lên, vì vậy kết quả khảo sát sẽ được sử dụng để phân tích.

Theo quy định của Trường, nhiệm vụ của GV ở các môn học thực hành HT2 là đảm bảo việc hướng dẫn, hỗ trợ, giải đáp thắc mắc cho SV một cách thường xuyên, nhanh chóng nhằm giúp SV hoàn thành các bài tập, đồ án của môn học.

Bảng câu hỏi dành cho môn học thực hành HT2 gồm có 8 câu hỏi (tiêu chí). Kết quả khảo sát theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

TC	Nội dung	Không ý kiến	Chưa tốt/ hài lòng	Bình thường	Tốt/ Hài lòng	Rất tốt/ hài lòng
1	Giảng viên có gặp sinh viên (tối thiểu 3 buổi học tập trung) theo quy định đã thông báo	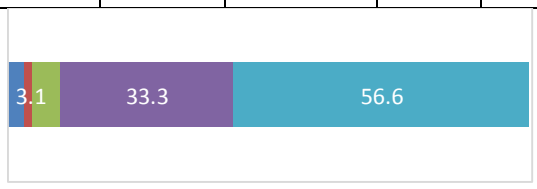				
	Giảng viên trả lời các câu hỏi của sinh viên một cách nhanh chóng (trong vòng 24 giờ)	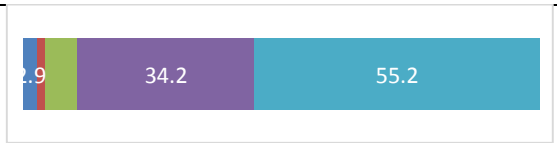				

3	Bài tập, đồ án phù hợp với nội dung của môn học	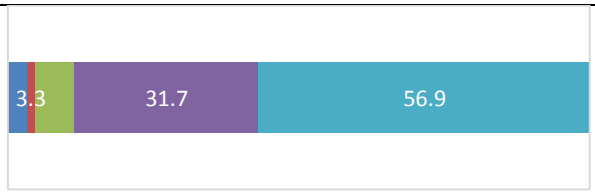
4	Giảng viên cung cấp các tài liệu đầy đủ trong quá trình thực hiện đồ án, bài tập thực hành	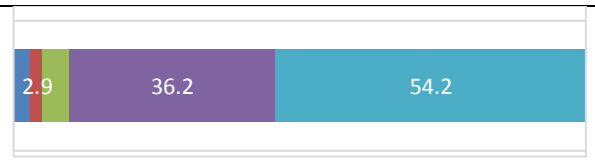
5	Giảng viên thường xuyên sử dụng moodle, email, forum, hoặc trang web cá nhân để trao đổi với sinh viên về đồ án, bài tập thực hành	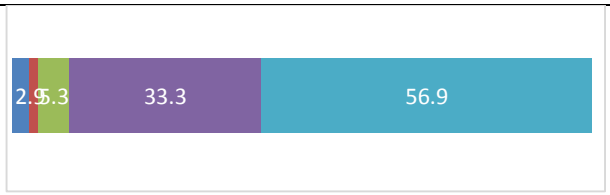
6	Giảng viên có quy định về thời gian nộp đồ án, bài tập hoặc báo cáo cho sinh viên	
7	Sinh viên hài lòng với cách hướng dẫn của giảng viên trong việc thực hiện đồ án, bài tập của môn thực hành	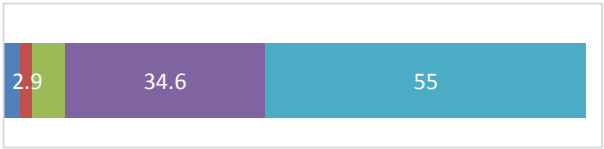
8	Giảng viên đánh giá chính xác, công bằng kết quả thực hiện đồ án, bài tập thực hành của sinh viên	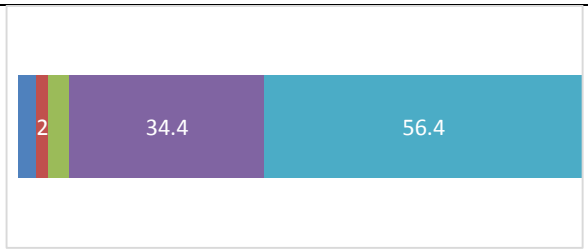

Bảng 5. Tỷ lệ SV đánh giá môn học thực hành PT2 theo từng tiêu chí (%)

Nhìn chung, 100% các tiêu chí đều có mức hài lòng trên 88%. Kết quả cho thấy sự tương đồng giữa SV CLC và SV toàn trường trong việc đánh giá mức độ hài lòng về môn học thực hành HT2. Có 4/8 tiêu chí được đánh giá cao >90% (TC04.05,06,09). Tỷ lệ hài lòng của SV đối với các môn học thực hành HT2 cũng được đánh giá bằng với hai hình thức môn học ở trên với mức chênh lệch trung bình khoảng 0.5%. Các Khoa cần tiếp tục phát huy trong các học kỳ sau.

3.4. Điểm trung bình theo lớp của GV

Dựa trên mức độ hài lòng của SV theo từng tiêu chí ở mỗi lớp, Phòng TT-PC-ĐBCL đã xử lý số liệu để có mức điểm trung bình của mỗi GV theo lớp, với quy ước:

- Điểm trung bình < 3 điểm: Dưới mức hài lòng/tốt;
- Điểm trung bình 3 –4 điểm: Đạt mức hài lòng/tốt

Dưới đây là bảng tóm tắt mức điểm trung bình của các lớp có số lượng >=50% SV tham gia khảo sát theo các loại hình môn học (điểm trung bình của các môn học chi tiết đính kèm ở phần phụ lục):

TT	Nội dung	MH lý thuyết (SL: 178)		MH thựchành HT1 (SL: 150)		MH thực hành HT2 (SL: 14)	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
1	Điểm trung bình <3.0	1	0.5	1	0.9	-	-
2	Điểm trung bình từ 3.0 đến < 3.5	52	23.2	50	23.4	4	28
3	Điểm trung bình từ 3.5 đến 4.0	122	76.6	94	75.7	10	72
4	Điểm trung bình cao nhất	4.0		4.0		3.7	
5	Điểm trung bình thấp nhất	2.9		2.6		3.3	

Bảng 6. Tóm tắt mức điểm trung bình của GV

Biểu đồ 6 cho thấy số lượng GV có điểm trung bình từ 3.5 đến 4.0 điểm ở các loại hình môn học chiếm đa số, tỷ lệ GV đạt điểm trung bình <3 là không đáng kể, đặc biệt không có đối với môn học thực hành HT2. Phòng TT-PC-ĐBCL đề xuất VPĐB và các Khoa/Bộ môn có kế hoạch để tiếp tục duy trì tỷ lệ hài lòng cao của SV trong các học kỳ tiếp theo.

3.5. Ý kiến thêm về hoạt động giảng dạy

Theo phiếu khảo sát, Nhà trường yêu cầu SV cho biết những điều hài lòng và chưa hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV. Học kỳ I/2018-2019 có tổng cộng 500 lượt ý kiến của SV CLC, cụ thể như sau:

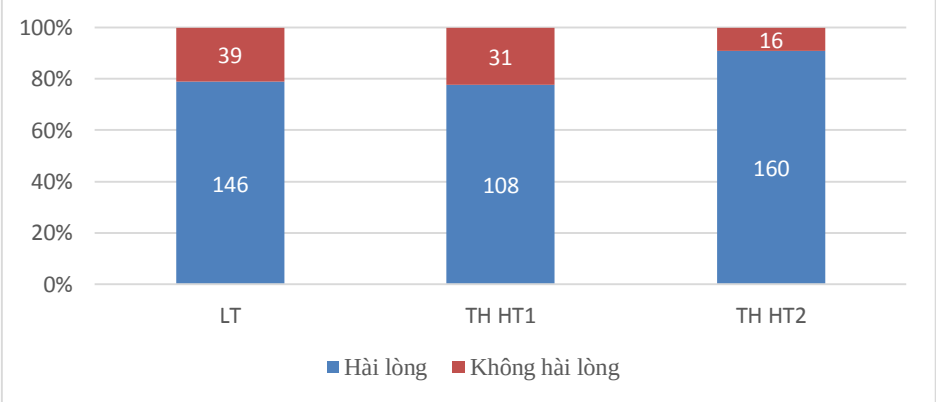

Biểu đồ 6. Số lượt ý kiến thêm của SV

- Các ý kiến về những điều hài lòng của SV tập trung vào: thái độ giảng dạy của GV (“nhiệt tình”, “vui vẻ”, tận tâm”, “dễ gần”, “thân thiện”, “chu đáo”..); phương pháp giảng dạy (“dễ hiểu”, “dạy hay”…); về nội dung môn học “học kết hợp với thực tiễn”, “chi tiết”…); GV chỉ dạy tận tâm và có nhiều phương pháp hay, hướng dẫn chi tiết.

- SV cho biết những điều chưa hài lòng về việc GV: “dạy quá nhanh”, “khó hiểu”; “lan man”, “khả năng truyền đạt chưa tốt”, tình trạng “trễ giờ”, “chưa cung cấp tài liệu”, kiểm tra- đánh giá chưa hợp lý”,.. vẫn còn được sinh viên phản ánh;…

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Học kỳ II, NH 2018-2019, Phòng TT-PC-ĐBCL phối hợp cùng Phòng DL&CNTT đã khảo sát và xử lý kết quả của 100% môn học, với sự tham gia của trên 75% SV CLC đang theo học tại Trường. Trong đó:

- Tất cả tiêu chí khảo sát đều được SV đánh giá hài lòng trên 85%.
- Trên 98% GV tham gia giảng dạy được SV CLC đánh giá đạt yêu cầu về chất lượng giảng dạy với điểm trung bình từ 3 điểm trở lên.
- 60 % là tỷ lệ SV tự đánh giá đạt từ 70% trở lên chuẩn đầu ra của môn học.
- Có 414/500 ý kiến thêm của SV cho biết hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV. Tuy nhiên, còn tồn tại một số nội dung cần cải thiện để nâng cao sự hài lòng của người học.

2. Kiến nghị

HKII, NH 2018-2019 cho thấy tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV rất tốt. Để các học kỳ sau hoạt động khảo sát tiếp tục đạt kết quả cao hơn nữa, phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị Nhà trường, VPĐB thực hiện những hoạt động sau:

- GV tham khảo kết quả khảo sát nhằm điều chỉnh hoặc nâng cao hoạt động giảng dạy của mình để đạt kết quả cao;

- VPĐB nên có đánh giá kết quả ứng dụng app điểm danh tự động để cải thiện tình trạng tham gia lớp học của SV, phối hợp với phòng DLCNTT triển khai mở rộng tính năng của app để phục vụ người học tốt hơn.

- Tiếp tục phối hợp với các phòng/ban, Khoa/Bộ môn đẩy mạnh công tác truyền thông để SV hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động khảo sát và tích cực tham gia.

- Khoa/bộ môn cần sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng giảng dạy. Đồng thời có kế hoạch, giải pháp đối với các GV có nhiều SV phản ánh không hài lòng hoặc có điểm trung bình thấp qua các học kỳ;

- Duy trì việc giải đáp các thắc mắc của SV, phản hồi về việc sử dụng kết quả khảo sát đến toàn thể SV để SV biết được những ý kiến, đánh giá của mình đã được sử dụng và Nhà trường có cải tiến sau mỗi năm/học kỳ.

- Phòng CTSV phối hợp với các Khoa/Bộ môn, CVHT để nhắc nhở sinh viên trong việc sử dụng ngôn ngữ phù hợp khi tham gia đóng góp ý kiến về hoạt động giảng dạy.

- Cần tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm trong giảng dạy ở những GV có sự đánh giá tốt từ SV.

PHÒNG TT-PC-ĐBCL
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Trịnh Thị Mỹ Hiền